

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2017/DS-PT
Ngày: 18-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp T, xã T T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp A, xã A P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1956, có mặt;

2. Bà Lê Ngọc Y, sinh năm 1964, có mặt;

Cùng cư trú tại: Ấp L, xã H, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn N là bị đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10-01-2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Nguyễn Văn U và người đại diện theo ủy quyền anh U trình bày:

Vào ngày 22-8-2013, vợ chồng ông Huỳnh Văn N, bà Lê Ngọc Y có vay của anh U số tiền 120.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng N- Tây Ninh; thỏa thuận thời hạn là 03 tháng kể từ ngày 22-8-2013. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói là 2%/tháng, không ghi vào hợp đồng. Đến hạn ông N, bà Y không trả tiền vay gốc và lãi. Do đó, anh U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà Y trả cho anh số tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh U yêu cầu ông N, bà Y trả cho anh U số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22-8-2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 46.800.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 23-01-2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Văn N và bà Lê Ngọc Y trình bày:

Ông và cháu ông là chị Cao Thị Lệ H2 có nhu cầu vay vốn làm ăn. Không biết do ai giới thiệu mà có 02 người xưng tên Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị L 02 người này đến nhà ông tự giới thiệu là Phó giám đốc và Trợ lý của Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh C, hứa giúp làm thủ tục cho vợ chồng ông bà vay 800.000.000 đồng và chị H2 vay 400.000.000 đồng. Sau khi thống nhất thỏa thuận, ông H1, bà L xem nhà, đất của vợ chồng ông bà thì nói có thể vay được 1.000.000.000 đồng.

Trong quá trình làm thủ tục vay tiền, ông H1, bà L có đi cùng với anh U, bà N. Vợ chồng ông có nhận tiền tạm ứng từ anh U, bà N1 theo hướng dẫn của ông H1, bà L, cụ thể:

Vợ chồng ông bà có nhận của anh U và bà Nguyễn Thị Ngọc N1 số tiền 270.000.000 đồng và ông bà có giao cho anh U một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất có diện tích khoảng 12.000 m² tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nhận tiền làm 03 lần, lần 01 là 15.000.000 đồng, trong đó phí là 4.500.000 đồng; lần 02 là 150.000.000 đồng trong đó phí là 8.000.000 đồng (nhận từ bà N1); lần 03 là 120.000.000 đồng (nhận từ anh U) trong đó phí là 24.000.000 đồng. Sau đó, ông H1 lấy thêm phần phí của 800.000.000 đồng tiền vay Ngân hàng mà ông chưa nhận là 96.000.000 đồng. Số tiền nhận từ anh U thực tế chỉ có 83.600.000 đồng, ông dùng để trả cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành để trả cho ông Đặng Văn T.

Sau đó, ông không nhận được số tiền vay nào của Ngân hàng, ông liên lạc với ông H1, bà L nhưng không được. Anh U, bà N1 tự ý sang tên đất của ông, đất của ông trị giá 300.000.000 đồng, ông còn nợ 270.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng ông bỏ. Việc bán đất để cân trừ nợ chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản.

Nay anh U yêu cầu vợ chồng ông bà trả 120.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi ông bà không đồng ý vì tiền ông bà nhận của bà L, ông H1 và thực tế chỉ nhận

số tiền 83.600.000 đồng. Vợ chồng ông bà đã giao đất trừ nợ xong, không còn nợ tiền của anh U. Anh U có đưa hợp đồng cho ông bà ký nhưng không biết đó là giấy tờ gì và không đọc nội dung.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 18/2017/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn U. Buộc ông Huỳnh Văn N, bà Lê Ngọc Y trả cho anh Nguyễn Văn U số tiền 166.800.000 (một trăm sáu mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, tiền lãi 46.800.000 (bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017, bị đơn ông Huỳnh Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông và bà Y trả cho anh U số tiền 166.800.000 đồng vì ông bà không vay tiền của anh U.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định số 09/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 12-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh về phần tiền lãi quá hạn, với lý do: Cấp sơ thẩm tính lãi quá hạn theo mức 1,125%/tháng là không đúng với quy định tại Khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; tính lại án phí và bổ sung căn cứ áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên kháng nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì chưa làm rõ các tình tiết nội dung vụ án cụ thể:

+ Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc chuyển nhượng đất giữa ông N với bà N1 có liên quan đến anh U hay không.

+ Ông N và Anh U không có mối quan hệ gì nhưng anh U cho vay không thể chấp tài sản.

+ Anh U không phải là người trực tiếp cho ông N, bà Y vay tiền.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn N. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét thấy:

[1] Hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn Văn U với vợ chồng ông Huỳnh Văn N, bà Lê Ngọc Y được ký kết ngày 22-8-2013 bằng văn bản, có công chứng. Theo đó, anh U cho ông N, bà Y vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 03 tháng, không xác định lãi suất.

[2] Ông N, bà Y thừa nhận có ký giấy vay số tiền nêu trên nhưng cho rằng khi ký không đọc nội dung của hợp đồng; thực tế ông bà chỉ nhận số tiền 83.600.000 đồng; sau đó anh U, bà N đã tự ý sang tên đất của ông tại ấp S, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh xem như để khấu trừ số nợ, nên ông không còn nợ tiền anh U. Anh U không thừa nhận lời trình bày của ông N, bà Y và ông N, bà Y cũng không có chứng cứ nào chứng minh là đã trả nợ cho anh U cũng như có việc chuyển nhượng đất để trừ nợ, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh U, buộc vợ chồng ông N, bà Y trả nợ vay là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã xác minh nhưng không xác định được bà L, ông H1 là ai; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N, bà Y đối với bà N1 không phải với anh U. Ông N cũng xác nhận không có chứng cứ chứng minh anh U có liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[3] Đối với tiền lãi: Theo hợp đồng vay tiền ngày 22-8-2013 giữa anh U và ông N, bà Y thể hiện: “Lãi suất: Do hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật”. Anh U trình bày hai bên thỏa thuận bằng lời nói là tiền lãi 2%/tháng, còn ông N, bà Y xác định chỉ nhận tiền tạm ứng, không thừa nhận là tiền vay nên không có căn cứ cho rằng ông N, bà Y thừa nhận vay có lãi. Như vậy, căn cứ theo hợp đồng vay tiền ngày 22-8-2013 thì hai bên không thỏa thuận về lãi, nên có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn, không có lãi. Hợp đồng quy định thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 22-8-2013; sau thời hạn này ông N, bà Y không trả tiền cho anh U nên ông N, bà Y phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ

bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm như quy định tại khoản 2 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng vay tiền có thời hạn có lãi là không đúng với thỏa thuận của các bên và diễn biến của sự việc. Do đó, tiền lãi được tính từ ngày hết thời hạn trả nợ là ngày 23-11-2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (12-6-2017) là 42 tháng 19 ngày. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm Ngân hàng Nhà nước công bố mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Nên tiền lãi ông N, bà Y phải trả cho anh U là 38.370.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh U đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh về tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh cho rằng cấp sơ thẩm không áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là thiếu sót. Xét thấy, hợp đồng vay tiền được giao kết vào năm 2013 nên cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng pháp luật; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về điều khoản chuyển tiếp, nhưng trong vụ án này không áp dụng quy định nào của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không phải áp dụng điều khoản chuyển tiếp.

[6] Về án phí: Ông N, bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức 5% trên tổng số tiền phải trả cho anh U theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Anh U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do kháng cáo của ông N được chấp nhận một phần nên ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn N;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Sửa Bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn U. Buộc ông Huỳnh Văn N và bà Lê Ngọc Y trả cho anh U số tiền 158.370.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi là 38.370.000 đồng.

2. Kể từ ngày anh U có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông N, bà Y **còn phải chịu khoản tiền lãi của số**

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn N và bà Lê Ngọc Y phải chịu 7.918.000 đồng (bảy triệu chín trăm mười tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh U số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số: 0012621 ngày 15-01-2014, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3.2 Án phí phúc thẩm dân sự: Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông N đã nộp tại Biên lai thu số: 0017954 ngày 15-6-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông N, bà Y còn phải nộp 7.618.000 đồng (bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND h. Châu thành ;
- CCTHADS h. Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai

